

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HC-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2018
*V/v : Khiếu kiện quyết định thu
hồi đất và bồi thường hỗ trợ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Linh
Ông Đinh Ngọc Huân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 53/2017/TLPT-HC ngày 16 tháng 05 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn N, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khu B, Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (Văn bản ủy quyền số 1750/GUQ-CT ngày 26/7/2016). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06/11/2015, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B, tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số: 3079/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 295B đoạn từ đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T” thu hồi 38,8m² đất ở nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) và 35m² đất nằm ngoài GCNQSD của thửa đất số 05 tờ bản đồ số 58 của hộ gia đình ông Nguyễn N thuộc Khu B, Phường V.

Cùng ngày 06/11/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 3113/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho các hộ gia đình, trong đó có hộ ông Nguyễn N. “*Bảng thống kê diện tích bồi thường, hỗ trợ*” và bảng “*Tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất*” kèm theo Quyết định này thể hiện về phần đất của gia đình ông N như sau:

- Diện tích ghi trong GCNQSD: 228,6m²; diện tích trong bản đồ địa chính: 254m²; đất sử dụng từ 1986;

- Bản đồ giải phóng mặt bằng (GPMB) đo vẽ: diện tích thực tế sử dụng là 270,2m²; thu hồi 73,8m² (gồm 38,8m² nằm trong GCNQSD, nằm ngoài GCNQSD là 35m²), diện tích còn lại sau khi thu hồi: 196,4m². Gia đình được bồi thường, hỗ trợ 38,8m² đất thuộc GCNQSD (428.740.000 đồng); được bồi thường tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất thu hồi tổng số 12.774.984 đồng.

Ngày 06/11/2015, ông Nguyễn N nhận được hai quyết định trên.

Ngày 01/7/2016, ông Nguyễn N khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3079/QĐ-UBND và Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B (phần phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông).

Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông N cho rằng:

Thứ nhất, đất của gia đình ông sử dụng có nguồn gốc Nhà nước giao từ năm 1954 (thời điểm cải cách ruộng đất) để canh tác, năm 1980 chuyển đổi sang là đất ở vì gia đình ông thuộc đối tượng gia đình chính sách và đông con. Năm 1986, gia đình được cấp phép xây dựng nhà trên đất; năm 2001 được cấp GCNQSD. Trong quá trình quản lý và sử dụng 270,2m² đất gia đình ông luôn chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về bảo vệ an toàn hành lang giao thông và quyền sử dụng đất, chấp hành nộp thuế đầy đủ, không lấn chiếm, không tranh chấp đất với những thửa đất liền kề.

Gia đình ông có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng 270,2m² đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013, quá trình sử dụng đất hợp pháp nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại Luật đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014-CP; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP, Quyết định số: 528/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh; nhưng UBND thành phố B chỉ bồi thường về đất 38,8m², không bồi thường 35m² là không đúng.

Thứ hai: UBND thành phố B xác định tổng diện tích đất ở của gia đình ông là 270,2 m², bị thu hồi là 73,8m², diện tích đất ở thực tế còn lại của gia đình ông sau khi nhà nước thu hồi đất còn 196,4m². Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc lại vào ngày 25/10/2016, thực tế diện tích chỉ còn 186,4m². Như vậy, thực tế gia đình ông bị thu hồi phải là 270,2m² - 186,4m² = 83,8m², trong đó đất ở nằm trong GCNQSD bị thu hồi theo tính toán trên, phải là 45m² (83,8m² - 38,8 m² = 45

m²). UBND thành phố B chỉ ra Quyết định thu hồi 38,8m² và bồi thường về đất ở là không đúng.

Người bị kiện trình bày:

- Đất gia đình ông N sử dụng có nguồn gốc địa phương cấp cho ông Nguyễn Đ (bố của ông Nguyễn N) ngày 26/9/1986. Năm 1987, gia đình làm nhà ở nên từ thời điểm này mới được xác định là đất ở. Sau đó, ngày 28/12/2001 UBND thị xã B cấp cho ông N GCNQSD đất số R528593, thửa đất số 05 diện tích: 228,6 m².

Hiện trạng sử dụng đất khi thu hồi của gia đình ông N gồm đất ở trong GCNQSD (38,8 m²) và đất hành lang giao thông ngoài GCNQSD (35,0 m²). Trên bản đồ đo vẽ GPMB, là thửa số 17, tờ bản đồ số 04, diện tích 270,2 m², diện tích thu hồi: 73,8 m²; diện tích còn lại: 196,4 m².

- UBND thành phố B đã chỉ đạo Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tiến hành thực hiện lập hồ sơ thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; đã tổ chức niêm yết công khai phương án tại Trụ sở UBND Phường V, trụ sở Nhà văn hóa Khu B. Hồ sơ có Biên bản quần dân chính về việc xác minh nguồn gốc đất, thời điểm và quá trình quản lý sử dụng đất; tính pháp lý thửa đất; diện tích đất thu hồi; thời gian xây dựng, tạo lập tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất của từng hộ gia đình thuộc phạm vi thu hồi của dự án có sự phối hợp của các phòng ban chuyên môn thành phố, UBND Phường V, các ban, ngành, đoàn thể Khu B, nguyên các cán bộ quản lý mạng đất qua các thời kỳ... Quá trình niêm yết đã gửi hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ đến từng hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ ông Nguyễn N), tổng hợp ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tổ chức đối thoại với đại diện các hộ gia đình có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; vận dụng một số chủ trương về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện GPMB tại dự án là Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; Quyết định số: 06 - CT ngày 03/01/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về Điều lệ bảo vệ đường bộ quy định: “...*Trên đường quốc lộ, đặc biệt đối với quốc lộ I, kể từ ngày ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ, tất cả các công trình như đường điện, đường bưu điện, mương máng thủy lợi, các công sở, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở, lều quán của tư nhân, vv... đã làm trong lưu không do các cấp chính quyền, phường, xã, quận, huyện hoặc tỉnh, thành phố cấp đất hoặc tự ý xây dựng là vi phạm luật lệ. Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày ký quyết định này, các cơ quan và tư nhân vi phạm phải di chuyển các công trình nói trên ra khỏi hành lang của lim không (từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào ra mỗi bên 20 mét). Nhà nước miễn phạt và không đền bù... ”*; Công văn số: 1253/CV-TNMT ngày 16/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc phúc đáp đề nghị của

UBND thành phố B liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 295B đoạn qua thành phố B quy định: "... Trường hợp diện tích đất ở được xác định có nguồn gốc sử dụng trước năm 1982 không có tranh chấp; đất ở trước thời điểm Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và sử dụng trước ngày 18/12/1980 thì được coi là đất ở hợp pháp và được bồi thường, hỗ trợ". Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 29/10/2015 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh: "Đối với một số hộ thuộc khu B: UBND Thành phố thực hiện theo Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định số: 06-CT ngày 03/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện Nghị định số: 203/HĐBT". Đối chiếu với các quy định trên, thì gia đình ông N chỉ được bồi thường 38,8m² đất ở thuộc GCNQSD, phần đất còn lại đang sử dụng là thuộc hành lang giao thông, nằm ngoài diện tích đã cấp GCNQSD nên không được bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND thành phố B có ý kiến: Diện tích đất thực tế còn lại của gia đình ông N tuy chỉ là 190,5m², không phù hợp với diện tích ghi trong Bảng thống kê kèm theo Quyết định 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015, nhưng cộng với diện tích đất thu hồi 38,8m² bằng tổng số 229,2m², vẫn nhiều hơn 228,6m² ghi trong GCNQSD nên gia đình ông N vẫn được bảo đảm quyền lợi. Do đó, UBND thành phố B xác định Quyết định số: 3079/QĐ-UBND và Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B là đúng quy định, đề Ng bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 27/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ vào các Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; Quyết định số: 06 - CT ngày 03/01/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện Nghị định số: 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về Điều lệ bảo vệ đường bộ đối với các quốc lộ; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Pháp lệnh án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009.

1- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 3079/QĐ-UBND ngày 06/11/2015, V/v "Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 295B đoạn từ đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T" và yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc " Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp TL 295B, đoạn đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T (đợt 7)" của UBND thành phố B đối với hộ gia đình ông Nguyễn N.

Ông Nguyễn N phải chịu chi phí thẩm định là 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/4/2017, ông Nguyễn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông N cho rằng 2 Quyết định hành chính nêu trên đều do Phó Chủ tịch UBND thành phố B là ông Nguyễn H ký thay mặt Chủ tịch UBND là trái thẩm quyền vì thời điểm này ông Hà chưa được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền mà đến ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố B mới có văn bản ủy quyền cho ông H. Gia đình ông không có đất bị lấy làm đường giao thông như UBND thành phố B nêu. Ông N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định 3079/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 và một phần Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 để UBND ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường cho rằng nguồn gốc đất là hợp pháp, sử dụng ổn định liên tục, nên thu hồi phải bồi thường đủ theo diện tích thu hồi. Bản án sơ thẩm không căn cứ kết quả đo đạc thẩm định lại đã thể hiện thực tế thu hồi là 79,7m² để bác đơn kiện của ông là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn N giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng UBND thành phố B đo đạc tính thiếu diện tích đất thu hồi của gia đình ông, thể hiện ở việc thực tế gia đình chỉ còn 190,5m² (trong khi UBND xác định còn 196,4m²), phần đất UBND cho là đất hành lang giao thông nhưng UBND không có chứng cứ để chứng minh trong khi gia đình ông sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, ổn định, liên tục, không vi phạm gì nên phải được bồi thường.

Đại diện UBND thành phố B trình bày: Ông Nguyễn H là Phó chủ tịch UBND thành phố B được phân công phụ trách lĩnh vực tài nguyên, môi trường từ tháng 3/2013, nên các Quyết định hành chính nêu trên do ông ký là đúng thẩm quyền. Đối với phần đất còn lại của gia đình ông N sau khi thu hồi đất, tuy ít hơn diện tích UBND đã đo đạc trước đây nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi của gia đình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông N thấy rằng:

Phó Chủ tịch UBND thành phố B là người được phân công lĩnh vực tài nguyên môi trường, là người có thẩm quyền ký ban hành 2 Quyết định hành chính số 3079/QĐ-UBND và 3113/QĐ-UBND, nên nội dung kháng cáo này của ông N là không có cơ sở chấp nhận.

Về việc ông N yêu cầu được bồi thường thêm về đất: Ông N đã được cấp GCNQSD đất, phần nằm ngoài GCNQSD giáp đường đã được UBND thành phố xác định là đất giao thông nên UBND thành phố không bồi thường, hỗ trợ là

đúng. Tuy nhiên, theo Bản đồ giải phóng mặt bằng (do UBND thành phố B) đo đạc thì tổng diện tích sử dụng của hộ gia đình ông N là 270,2m², trừ đi diện tích nằm ngoài GCNQSD là đất hành lang giao thông (25,4m² + 9,6m²), phần còn lại 235,2m² thuộc GCNQSD cho hộ gia đình năm 2001. Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, 235,2m² đất này là diện tích thực tế sử dụng đã được cấp GCNQSD đất, gia đình phải được bồi thường nhưng với phương án bồi thường do UBND thành phố B (bồi thường 38,8m²) cộng với 190,5m² đất hiện còn lại, thì diện tích trong GCNQSD đất vẫn thấp hơn đo đạc thực tế, gây thiệt hại cho gia đình ông N. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, buộc UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với phần đất còn thiếu nằm trong thực tế đo đạc thuộc GCNQSD đất cho hộ gia đình ông N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hộ gia đình ông Nguyễn N là người sử dụng đất bị thu hồi Quyết định số: 3079/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc “*Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 295B đoạn từ đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T*” và Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B về việc “*Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp TL 295B, đoạn đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T (đợt 7)*”.

Ngày 01/7/2016, ông N khởi kiện 2 Quyết định nêu trên cho rằng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông do xác định không đúng diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý giải quyết yêu cầu hủy 2 Quyết định nêu trên là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai số 45/2013/QH 13 và quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về kháng cáo của ông Nguyễn N:

- Ông N cho rằng vào ông Nguyễn H, Phó Chủ tịch UBND thành phố B ký thay Chủ tịch UBND trong Quyết định số: 3079/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 là trái thẩm quyền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Văn bản ủy quyền số 1750/GUQ-CT ngày 26/7/2016 mà ông N nêu ra, là văn bản ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng trong vụ án hành chính do ông N là người khởi kiện, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý sơ thẩm ngày 14/7/2017.

Theo quy định tại Điều 10 [Nghị định 110/2004/NĐ-CP](#) quy định về việc ký văn bản “ Ở cơ quan tổ chức làm việc theo chế độ thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký tất cả văn bản của cơ quan, tổ chức. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể giao cho cấp phó của mình ký thay (KT.) các văn bản thuộc các lĩnh vực được phân công phụ trách và một số văn bản thuộc thẩm quyền của người đứng đầu. Cấp phó ký thay chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trước pháp luật”. Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện UBND thành phố B xác định ông Nguyễn H là Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách lĩnh vực đất đai từ 4/2013.

Do đó, Quyết định số 3079/QĐ-UBND và Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B, do Phó chủ tịch UBND ký thay Chủ tịch UBND, là đúng thẩm quyền.

- Về diện tích đất thu hồi của gia đình ông N:

Thửa đất số 5 tờ bản đồ số 58 theo bản đồ địa chính có diện tích 254m², diện tích ghi trong GCNQSD đất là 228,6m² do UBND thị xã Bắc Ninh cấp GCNQSD số R 528593 ngày 28/12/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn N có 3 mặt giáp các hộ liền kề hướng Bắc giáp đường, gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp từ năm 1986 đến nay. Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định “ *Trường hợp thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất (...) thì được bồi thường theo quy định sau đây: ...2. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do (...) nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế*”.

Hồ sơ thu hồi đất, giải quyết bồi thường về đất do UBND thành phố B thể hiện: Biên bản kiểm kê ngày 08/7/2015 (bút lục số 297 hồ sơ vụ án) do Trung tâm phát triển quỹ đất lập, thì tổng diện tích đất gia đình đang sử dụng là 270,2m², diện tích ghi trong GCNQSD là 228,6m²; diện tích thu hồi 73,8m² (trong GCNQSD là 38,8m², phía ngoài GCN giáp đường là 35,5m²). Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (bút lục 290), Bản đồ giải phóng mặt bằng (bút lục số 247) do người bị kiện cung cấp; Bản đồ lồng ghép phục vụ GPMB (bút lục số 312 a) đều thể hiện số liệu đo đạc như trên, trong đó diện tích còn lại sau khi thu hồi (nằm trong GCNQSD đất) là 196,4m². Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2016, bản trích đo hiện trạng ngày 25/10/2016 (do Phòng Đo đạc, bản đồ và Viễn thám Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh lập), thì diện tích đất của thửa đất còn lại sau khi thu hồi chỉ còn, thiếu 5,9m² so với đo đạc trước đây (196,4m² -190,5m²). Phần đất thiếu này thuộc diện tích nằm trong GCNQSD cấp năm 2001. Đối chiếu với bản đồ GPMB phục vụ công tác thu hồi đất thì thửa đất số 17, có cơ sở xác định diện tích thuộc GCNQSD đất lớn hơn diện tích ghi trong GCN (thửa số 05 tờ bản đồ 58) và phần đất thuộc GCN đã bị thu hồi có diện tích thực tế là 38,8 m² + 5,9m²= 44,7m². Đại diện UBND thành

phố B tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm chỉ thừa nhận diện tích thực tế của thửa đất là 38,8m², cộng với 190,5m² còn lại, là bằng 228,6m², nhưng không phù hợp với kết quả đo đạc thực tế nêu trên. Do đó, Quyết định số 3097/QĐ-UBND của UBND thành phố B chỉ thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn N 38,8m² trong GCNQSD và Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất phần đối với hộ gia đình ông Nguyễn N cũng chỉ phê duyệt bồi thường 38,8m² không đúng với quy định khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nêu trên, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình ông N.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông N, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm; sửa án sơ thẩm: Hủy Quyết định số 3097/QĐ-UBND và Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND thành phố B (phần phê duyệt đối với hộ ông Nguyễn N) để UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định.

Kháng cáo được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 75 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn N. Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N. Hủy Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc “*Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 295B đoạn từ đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T*” và hủy Quyết định số: 3113/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc “*Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp TL 295B, đoạn đường T, thành phố B đến giáp địa phận huyện T (đợt 7)*” (phần đối với hộ gia đình ông Nguyễn N) của UBND thành phố B. UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

2. UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng và chi phí thẩm định là 4.000.000 đồng. UBND thành phố B hoàn trả ông N số tiền chi phí thẩm định.

Hoàn trả ông Nguyễn N 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 004833 ngày 14/7/2016 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000

đồng đã nộp tại biên lai số BN/2010/004901 ngày 12/4/2017 của Cục THADS tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/01/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Vân Hương

